

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HSST

Ngày 11 - 01 - 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Cần

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu  
2. Bà Nguyễn Thị Nhung

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Đức Chính, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Xuân Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 625/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 640/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Lê Quang H** ; Tên gọi khác: không; Sinh năm 198x, tại thành phố TN, tỉnh TN; Nơi cư trú: Tổ x, phường G S, thành phố TN, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn H, sinh năm 195x; Con bà: Hoàng Thị Đ, sinh năm 195x; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 40/QĐ-XPHC, ngày 26/4/2010 của Công an phường G S, thành phố TN, tỉnh TN; Xử phạt hành chính đối với Lê Quang H số tiền là 350.000 đồng, về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Tại Quyết định số 11745/QĐ-CT, ngày 14/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TN, tỉnh TN, về việc đưa người nghiện ma túy vào chữa bệnh, lao động, học tập tại Trung Tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội tỉnh TN đối với Lê Quang H với thời gian 24 tháng (Chấp hành xong ngày 02/8/2013).

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 276/2016/HSST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xử phạt Lê Quang H 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2018, chấp hành xong án phí ngày 28/11/2016).

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 280/2018/HSST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xử phạt Lê Quang H 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép

chất ma túy” (Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/8/2019, chấp hành xong án phí ngày 19/9/2019).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2021 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TN (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**2. Họ và tên: Nguyễn Việt D;** Tên gọi khác: không; Sinh năm 197x, tại thành phố TN, tỉnh TN; Nơi cư trú: Tổ x, phường G S, thành phố T N , tỉnh TN; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C , sinh năm 194x; Con bà: Đào Thị H, sinh năm 195x (đã chết); Có vợ là: Nguyễn Thị N, sinh năm 198x; Vợ chồng chưa có con chung; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 20/8/2001 của Công an phường G S, thành phố T N ; xử phạt Nguyễn Việt D số tiền là 50.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” (Kết quả xác minh UBND phường G S không còn lưu giữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Việt D).

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 111/QĐ-XPVPHC, ngày 27/10/2001 của Công an phường G S, thành phố T N , xử phạt Nguyễn Việt D số tiền là 50.000 đồng về hành vi “Gây hư hại tài sản cho người khác” (Kết quả xác minh, đơn đốc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, xác định D không có khả năng nộp phạt, đến nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 56/QĐ-XPVPHC, ngày 16/8/2004 của Công an phường G S, thành phố T N ; xử phạt Nguyễn Việt D số tiền là 50.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (Kết quả xác minh, đơn đốc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, xác định D không có khả năng nộp phạt, đến nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 59/QĐ-XPVPHC, ngày 18/8/2004 của Công an phường G S, thành phố T N ; xử phạt Nguyễn Việt D số tiền là 50.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (Kết quả xác minh, đơn đốc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, xác định D không có khả năng nộp phạt, đến nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

- Tại Quyết định số 7879/QĐ-CT, ngày 06/7/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TN, về việc đưa người nghiện ma túy vào chữa bệnh, lao động, học tập tại Trung Tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội tỉnh Thái Nguyên đối với Nguyễn Việt D với thời hạn 12 tháng (Chấp hành xong ngày 14/12/2012).

- Tại Quyết định số 250/QĐ-CT, ngày 14/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường G S, thành phố T N , đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với Nguyễn Việt D với thời gian 03 tháng (Chấp hành xong ngày 14/3/2018).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2021 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TN (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**3. Họ và tên: Trần Cao C ; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1981, tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Tổ x, phường G S, thành phố T N , tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Minh T, sinh năm 194x; Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 195x; Vợ, con: chưa có;**

**Tiền sự: không; Tiền án: 02:**

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 209/2016/HSST, ngày 29/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN; xử phạt Trần Cao C 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/1/2018, chấp hành xong án phí ngày 02/11/2016).

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 250/2019/HSST, ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN; xử phạt Trần Cao C 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/12/2020)

**Nhân thân:**

- Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 50/QĐ-XPVPHC, ngày 10/5/1998 của Công an phường G S, thành phố T N ; xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo đối với Trần Cao C về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

- Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 286/QĐ-XPVPHC, ngày 18/3/1999 của Công an thành phố TN, tỉnh TN; xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo đối với Trần Cao C , về hành vi “Trộm cắp vật”.

- Tại bản án hình sự phúc thẩm số 37/HSPT, ngày 16/3/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh TN; xử phạt Trần Cao C 21 tháng tù về tội “Cướp tài sản của công dân” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/12/2000, chấp hành xong án phí ngày 21/7/2008).

- Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16/QĐ-XPVPHC, ngày 17/5/2004 của Công an phường G S, thành phố T N ; xử phạt hành chính đối với Trần Cao C số tiền 50.000 đồng, về hành vi “Trộm cắp tài sản” (Kết quả xác minh, đơn đốc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, xác định C không có khả năng nộp phạt, đến nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

- Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 59/QĐ-XPVPHC, ngày 18/8/2004 của Công an phường G S, thành phố T N ; xử phạt hành chính đối với Trần Cao C số tiền 50.000 đồng, về hành vi “Trộm cắp tài sản” (Kết quả xác minh, đơn đốc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, xác định C không có khả năng nộp phạt, đến nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

- Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPVPHC, ngày 18/10/2004 của Công an phường G S, thành phố T N ; xử phạt hành chính đối với Trần Cao C số tiền 50.000 đồng về hành vi “Trộm cắp vật” (Kết quả xác minh, đơn đốc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, xác định C không có khả năng nộp phạt, đến nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 115/2006/HSST, ngày 15/6/2006 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN; xử phạt Trần Cao C 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

(Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/5/2007, chấp hành xong án phí ngày 28/3/2008).

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 169/2008 /HSST, ngày 12/9/2008 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN; xử phạt Trần Cao C 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/3/2010, chấp hành xong án phí ngày 24/6/2009).

- Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 115/QĐ-XPVPHC, ngày 9/12/2014 của Công an phường Phan Đình P, thành phố TN; xử phạt hành chính đối với Trần Cao C số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Kết quả xác minh, đơn đốc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, C có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có khả năng nộp phạt, đến nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

- Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0001858/QĐ-XPVPHC, ngày 26/8/2015 của Công an thành phố TN, tỉnh TN; xử phạt hành chính đối với Trần Cao C số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi “Trộm cắp tài sản” (Kết quả xác minh, đơn đốc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, C có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có khả năng nộp phạt, đến nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2021 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TN (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Ông Lê Khắc D , Sinh năm 198x (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ x, phường C G, thành phố TN, tỉnh TN

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị K, Sinh năm 197x (vắng mặt)

Nơi ĐKNKTT: Thôn TT, xã XT, Hện SS, thành phố HN

Chỗ ở hiện nay: Tổ x, phường C G, thành phố TN, tỉnh TN

2. Ông Lê Văn Hà, Sinh năm 195x (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ x, phường C G, thành phố TN, tỉnh TN

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn H, Sinh năm 199x (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm KG, xã BN, Hện ĐT, tỉnh TN

2. Chị Nguyễn Thị D , Sinh năm 1998 (vắng mặt)

Nơi ĐKNKTT: Thôn TT, xã XT, Hện SS, thành phố HN

Chỗ ở hiện nay: Tổ x, phường C G, thành phố TN, tỉnh TN

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 30 phút, ngày 23/8/2021, Công an phường G S, thành phố T N nhận được đơn trình báo của anh Lê Khắc D , sinh năm 1982, trú tại: Tổ x, phường C G, thành phố TN, trình báo về việc tại công trường do anh đang thi công xây dựng tại Tổ x, phường G S, thành phố T N , bị mất trộm 06 tấm hàng rào sắt hình hộp chữ nhật bằng kim loại, dùng để làm hàng rào bảo vệ công trình. Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an phường G

Svà anh Lê Khắc D đã tiến hành rà soát các cửa hàng thu mua phế liệu trên địa bàn thành phố TN, thì phát hiện tại cửa hàng thu mua phế liệu K Đ, địa chỉ tại: Tổ x, phường CG, thành phố TN (do bà Nguyễn Thị K làm chủ) có 06 hàng rào sắt có đặc điểm giống với tài sản của anh Nguyễn Khắc D bị trộm cắp. Quá trình làm việc bà Nguyễn Thị K và chị Nguyễn Thị D (là con bà K) trình bày và cung cấp cho Công an phường GS biết: Vào khoảng 21 giờ, ngày 21/8/2021 có 02 người đàn ông lạ mặt (trong đó có 01 người bà K nhận ra tên là "C T" nhà ở phường G S, thành phố T N), dùng xe mô tô chở 02 tấm hàng rào sắt đến cửa hàng nhà bà K để bán. Do bà K đang bận bế con nhỏ nên chị D đã đứng ra mua của hai người đàn ông này 02 tấm hàng rào sắt và trả cho họ số tiền là 1.150.000đ; Đến khoảng 05 giờ 30 phút, ngày 23/8/2021 lại có hai người đàn ông (trong đó có một người đã đến vào ngày 21/8/2021) chở 02 tấm hàng rào sắt đến bán và chị D lại tiếp tục mua và trả cho hai người này số tiền là 950.000đ. Ngày 22/8/2021, Nguyễn Văn Đ (là chồng bà K) đã dùng cưa máy cắt kim loại cắt tấm hàng rào sắt được sơn màu vàng ra thành 03 phần để tiện cho việc xếp, dỡ vật liệu. Trên cơ sở lời khai của bà Nguyễn Thị K và chị Nguyễn Thị D, Công an phường GS đã tiến hành xác minh và tiến hành cho nhận dạng đối tượng, thì Nguyễn Việt D, Lê Quang H và Trần Cao C đã thừa nhận là những người đã thực hiện hành vi trộm cắp các tấm hàng rào sắt tại công trình xây dựng của anh Lê Khắc D vào ngày 21 và 23 tháng 8 năm 2021, rồi đem bán cho cửa hàng thu mua phế liệu K Đ.

Công an phường G S đã tiến hành lập biên bản thu giữ và xác định kích thước, khối lượng của 06 tấm hàng rào sắt bằng kim loại, cụ thể như sau:

- 01 (Một) hàng rào sắt dài 0,68 m, cao 1,6 m, bao gồm nhiều ống sắt hình hộp chữ nhật, bề mặt có kích thước (8 x4)cm, độ dày 2mm, được gắn lại với nhau, mạ sơn màu vàng, có khối lượng 30 kg;
- 01 (Một) hàng rào sắt dài 0,57 m, cao 1,6 m, bao gồm nhiều ống sắt hình hộp chữ nhật, bề mặt có kích thước (8 x4)cm, độ dày 2mm, được mạ sơn màu vàng, có khối lượng 23 kg;
- 01 (Một) hàng rào sắt dài 0,85 m, cao 1,6 m, bao gồm nhiều ống sắt hình hộp chữ nhật, bề mặt có kích thước (8 x4)cm, độ dày 2mm, được mạ sơn màu vàng, có khối lượng 34 kg.
- 01 (Một) hàng rào sắt dài 1,6 m, cao 1,5 m, bao gồm nhiều ống sắt hình hộp chữ nhật, bề mặt có kích thước (6 x3)cm, độ dày 2mm, được mạ sơn màu trắng, có khối lượng 30 kg.
- 01 (Một) hàng rào sắt dài 2,66 m, cao 1,5 m, bao gồm nhiều ống sắt hình hộp chữ nhật, bề mặt có kích thước (6 x3)cm, độ dày 2mm, được mạ sơn màu trắng, có khối lượng 48 kg.
- 01 (Một) hàng rào sắt dài 2,5 m, cao 1,5 m, bao gồm nhiều ống sắt hình hộp chữ nhật, bề mặt có kích thước (6 x3)cm, độ dày 2mm, được mạ sơn màu trắng, có khối lượng 48 kg.

Tại cơ quan điều tra, Lê Quang H, Nguyễn Việt D và Trần Cao C khai nhận: Bản thân Lê Quang H, Nguyễn Việt D và Trần Cao C đều là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp gì. Để có tiền mua ma túy sử dụng, Lê Quang H, Nguyễn Việt D và Trần Cao C đã rủ nhau đi trộm cắp, bán lấy tiền để mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân. Trong các ngày 21 và 23 tháng 8 năm 2021, Lê Quang H, Nguyễn Việt D và

Trần Cao C đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 21/8/2021, Lê Quang H điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu: HONDA Wave, biển kiểm soát: 20B1 – 749.5x chở Nguyễn Việt D và Trần Cao C đi lang thang mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến khu vực khu dân cư thuộc tổ x, phường G S, thành phố T N , phát hiện thấy có 01 công trình đang xây dựng bên trong có nhiều tấm hàng rào sắt xếp chồng lên nhau đang để ở bãi đất trống sát lán trại của thợ xây dựng, nhưng không có ai trông coi, Lê Quang H đã điều khiển xe mô tô đỗ bên ngoài lề đường ngay sát công trình, còn D và C đi bộ vào bên trong cùng nhau khênh 01 tấm rào bằng kim loại sơn màu vàng, kích thước: 2,1 x 1,6 (m) ra vị trí xe mô tô H đang chờ rồi đặt lên yên xe mô tô. Sau đó D một mình quay lại công trình bê 01 tấm hàng rào sắt sơn màu trắng, kích thước 1,6 x 1,5 (m) mang ra để cạnh xe mô tô. H dắt xe mô tô, D và C giữ tấm hàng rào màu vàng chở đến cửa hàng thu mua phế liệu K Đ thuộc Tổ x, phường G S, thành phố T N để bán. Khi đến nơi thì D và C bê hàng rào sắt đặt lên cân, còn D đi bộ về công trình để trông coi tấm hàng rào sắt sơn màu trắng vừa trộm cắp được. Lúc này, bà Nguyễn Thị K bận bế con, nên chị Nguyễn Thị D đã đứng ra giao dịch và mua tấm rào sắt trên của H và C với số tiền 850.000 đồng (*Tám trăm năm mươi nghìn đồng*). Sau đó H điều khiển xe mô tô chở C quay lại khu vực công trình đang xây dựng tiếp tục trộm cắp. D và C tiếp tục khênh 01 tấm kim loại sơn màu trắng, kích thước: 1,6m x 1,5m ra xe mô tô của H chờ bên ngoài rồi chở tấm kim loại đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị D để tiếp tục bán. Chị D cân tấm kim loại này rồi trả cho H 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Số tiền có được do bán 02 (Hai) tấm hàng rào sắt H, D và C chia nhau sử dụng vào việc cá nhân hết (trong đó: D và C mỗi người được chia số tiền là 350.000đ, còn lại H sử dụng số tiền là 450.000đ) .

Vụ thứ hai: Đến khoảng 04 giờ 00 phút ngày 23/8/2021, Nguyễn Việt D gọi điện thoại rủ Lê Quang H quay lại công trình tại tổ 7, phường G S mục đích để tiếp tục trộm cắp, H đồng ý. H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 20B1 – 749.5x đến đón D tại nhà thuộc Tổ 02, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên rồi cùng nhau đến khu vực đang xây dựng trong khu dân cư thuộc tổ 7, phường G S, thành phố T N . Tại đây, H để xe mô tô bên ngoài công trường rồi cùng D đi bộ vào trong khênh 01 tấm kim loại sơn màu trắng dài khoảng 2,6m, cao 1,5m ra vị trí xe mô tô đặt nằm lên yên xe. H điều khiển xe mô tô chở D ngồi sau giữ tấm hàng rào sắt này mang đến bán tại cửa hàng thu mua phế liệu của chị D được số tiền 470.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*). Sau đó H và D tiếp tục quay lại công trường và khiêng thêm 01 tấm kim loại sơn màu trắng dài 2,5m, cao 1,5m mang đến bán tại cửa hàng thu mua phế liệu của chị D được số tiền 480.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi nghìn đồng*). Số tiền có được do bán 02 (Hai) tấm hàng rào sắt, H và D chia nhau sử dụng. H sử dụng vào việc cá nhân, số tiền còn lại là 305.000 đồng (*Ba trăm linh năm nghìn đồng*) H đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra khi bị bắt.

Tại Bản kết luận số 294/HĐĐGTS ngày 17/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên đã kết luận: Giá trị tài sản bị chiếm đoạt ngày 21/8/2021 là: 2.106.000 đồng; giá trị tài sản bị chiếm đoạt ngày 23/8/2021 là: 2.112.000 đồng.

Tổng giá trị của 2 nhóm tài sản là 4.218.000 đồng (*Bốn triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 630/CT-VKSTPTN, ngày 30/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Lê Quang H và Nguyễn Việt D về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Trần Cao C về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi kết thúc phần thẩm vấn công khai, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng số 630/CT-VKSTPTN, ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Quang H , Nguyễn Việt D và Trần Cao C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173 điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Quang H mức án từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2021; Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173 điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt D mức án từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2021; Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173 điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Cao C mức án từ 30 đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2021; Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Lê Khắc D đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị K cũng không yêu cầu đề nghị gì, nên không đề nghị xem xét;

4. Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 305.000đ thu giữ của bị cáo H.

- Buộc các bị cáo Lê Quang H , Nguyễn Việt D và Trần Cao C phải nộp truy thu số tiền thu lời bất chính.

Ngoài ra còn đề nghị về phần án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận việc truy tố, xét xử các bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo không tranh luận gì với quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị HĐXX xét xem cho được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng và thành người có ích cho xã hội.

Bị hại anh Lê Khắc D trình bày: Tháng 7 năm 2021 anh có nhận thi công công trình xây dựng nhà ở tại tổ 7, phường G S, thành phố T N . Trong quá trình nhận thi công xây dựng, anh có đem đến công trường xây dựng 10 hàng rào sắt bằng kim loại, hình hộp chữ nhật (kích thước mỗi hàng rào: Chiều cao khoảng từ 1,5m đến 1,6m, chiều dài khoảng từ 1,6m đến 2,6m), dùng để lắp đặt hàng rào bảo vệ công trường xây dựng. Trong khi chưa kịp lắp đặt thì khoảng 11 giờ ngày 23/8/2021 nhận được điện thoại của

anh Nguyễn Văn H (là thợ làm nghề cốp pha) báo tin về việc bị mất 04 hàng rào sắt để tại công trường, nên anh D đã có đơn trình báo đến Công an phường G S để giải quyết. Nay, các hàng rào sắt trên đã được Công an phường G S và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên thu hồi và trả lại cho anh quản lý, sử dụng, nên anh D không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị K trình bày: Từ năm 2005 bà có mở cửa hàng thu mua phế liệu (tên là K Đ) tại tổ 6, phường G S, thành phố T N ; Ngày 21/8/2021 và 23/8/2021 do bà bận công việc, nên con gái bà là Nguyễn Thị D có đứng ra giao dịch và mua của các đối tượng Lê Quang H , Nguyễn Việt D và Trần Cao C 04 tấm hàng rào sắt bằng kim loại để phục vụ cho việc buôn bán phế liệu. Khi mua các tài sản trên, bà K và chị D không biết đó là tài sản do các đối tượng trộm cắp mà có, các tài sản trên bà đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan công an để phục vụ điều tra và trả lại cho chủ sở hữu, số tiền bà đã bỏ ra để mua các tài sản trên, bà K không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị D trình bày: Khoảng 20 giờ ngày 21/8/2021 khi chị D và bà K đang ở cửa hàng thu mua phế liệu thì có 02 thanh niên điều khiển xe mô tô trở 01 tấm hàng rào sắt bằng kim loại màu vàng, kích thước khoảng 2,5m x 1,5m đến cửa hàng của bà K để bán. Do bà K đang bận bế con nhỏ, nên chị Nguyễn Thị D đã đứng mua và trả cho họ số tiền là 850.000đ. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày 02 người đàn ông này lại tiếp tục trở đến 01 tấm hàng rào sắt màu trắng, kích thước khoảng 1,6m x 1,5m đến bán, chị D cân được 30kg và trả cho họ số tiền là 300.000đ. Đến ngày 23/8/2021 lại có 02 người đàn ông trở 01 tấm kim loại sơn màu trắng dài khoảng 2,6m, cao 1,5m và 01 tấm kim loại sơn màu trắng dài 2,5m, cao 1,5m đến bán, chị D đã mua và trả cho họ 02 tấm rào sắt trên với tổng số tiền là 950.000đ (*Chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong điều tra, truy tố:* Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Quang H , Nguyễn Việt D và Trần Cao C tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra; phù hợp với



lời khai lời khai của những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng đêm tối và sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Lê Quang H, Nguyễn Việt D và Trần Cao C đã rủ nhau sử dụng xe mô tô đi lang thang đến các nhà dân trên địa bàn thành phố Thái Nguyên xem ai sơ hở trong việc quản lý tài sản thì vào trộm cắp, đem bán lấy tiền tiêu sài cá nhân và mua ma túy để sử dụng. Với thủ đoạn như đã nêu trên, trong các ngày 21 và 23 tháng 8 năm 2021, Lê Quang H, Nguyễn Việt D và Trần Cao C đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 21/8/2021, Lê Quang H điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu: HONDA Wave, biển kiểm soát: 20B1 – 749.5x chở Nguyễn Việt D và Trần Cao C đến công trường xây dựng nhà ở, tại tổ 7, phường G S, thành phố T N (do anh Lê Khắc D, sinh năm 1982, trú tại: Tổ x, phường C G, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên làm chủ, nhận thi công công trình) rồi cùng nhau trộm cắp 02 tấm hàng rào sắt bằng kim loại, hình hộp chữ nhật, (sau đó được cắt ra thành 04 tấm có kích thước khác nhau là: 01 (Một) hàng rào sắt dài 0,68 m, cao 1,6 m, khối lượng 30 kg; 01 (Một) hàng rào sắt dài 0,57 m, cao 1,6 m, khối lượng 23 kg; 01 (Một) hàng rào sắt dài 0,85 m, cao 1,6 m, khối lượng 34 kg; 01 (Một) hàng rào sắt dài 1,6 m, cao 1,5 m, khối lượng 30 kg), có giá trị là: 2.106.000 đồng (Hai triệu, một trăm linh sáu nghìn đồng). Sau khi trộm cắp được tài sản nêu trên các bị cáo H, D, C đem đến cửa hàng thu mua phế liệu K Đ, có địa chỉ tại: Tổ x, phường CG, thành phố TN bán được tổng số tiền là 1.150.000đ; H chia cho D và C mỗi người số tiền là 350.000đ, H sử dụng số tiền còn lại là 450.000đ, sau đó các bị cáo sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân và mua ma túy hết.

- Vụ thứ hai: Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 23/8/2021, Nguyễn Việt D và Lê Quang H lại tiếp tục rủ nhau quay lại công trường xây dựng của anh Lê Khắc D trộm cắp 02 tấm hàng rào sắt hình hộp chữ nhật (trong đó: 01 (Một) hàng rào sắt dài 2,66 m, cao 1,5 m, khối lượng 48 kg; 01 (Một) hàng rào sắt dài 2,5 m, cao 1,5 m, khối lượng 48 kg) có giá trị là: 2.112.000 đồng (Hai triệu, một trăm mười hai nghìn đồng). Sau khi trộm cắp được tài sản nêu trên các bị cáo H, D lại tiếp tục đem đến cửa hàng thu mua phế liệu K Đ bán được tổng số tiền là 950.000đ; H chia cho D số tiền là 470.000đ, còn tiền còn lại là 480.000đ, H sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân và nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền là 305.000đ khi bị bắt.

Tổng giá trị tài sản do các bị cáo chiếm đoạt của anh Lê Khắc D qua các lần thực hiện chiếm đoạt là 4.218.000 đồng (Bốn triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng).

Hành vi lợi dụng đêm tối rồi lén lút trộm cắp tài sản của người khác có tổng giá trị là 4.218.000 đồng do các bị cáo Lê Quang H, Nguyễn Việt D và Trần Cao C thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự; trong đó lần thứ nhất: do Nguyễn Việt D, Lê Quang H và Trần Cao C cùng nhau thực hiện, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.106.000 đồng; lần thứ hai: do Nguyễn Việt D và Lê Quang H cùng nhau thực

hiện, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.112.000 đồng. Hành vi phạm tội do Nguyễn Việt D và Lê Quang H phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Trần Cao C phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Bản cáo trạng số 630/CT-VKSTPTN, ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Lê Quang H và Nguyễn Việt D về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Trần Cao C về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

**Điều 173 của Bộ luật hình sự, quy định:**

*"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

.....

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*g) Tái phạm nguy hiểm"*

*[3]. Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án cũng như nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội, HĐXX thấy:*

Hành vi do các bị cáo thực hiện thuộc loại tội ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm mục đích răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội do bị cáo không chịu lao động, tu dưỡng nên mắc nghiện ma túy, để phục vụ cho nhu cầu bản thân và lấy tiền mua ma túy sử dụng, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Các bị cáo thực hiện tội phạm thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, câu kết một cách chặt chẽ. Khi thực hiện hành vi phạm tội Lê Quang H là người trực tiếp sử dụng xe mô tô để chở các bị cáo D và C đến nơi có tài sản sơ hở để trộm cắp, sau đó đứng ngoài canh gác và dùng xe mô tô vận chuyển tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ và hưởng lợi số tiền lớn hơn, do vậy vai trò của bị cáo H tích cực hơn so với các bị cáo D và C: Bị cáo Nguyễn Việt D và Trần Cao C là người trực tiếp tiếp thực hiện hành vi trộm cắp vận chuyển tài sản ra khỏi nơi quản lý rồi cùng với Lê Quang H mang đi tiêu thụ và cùng được hưởng lợi số tiền thu lời bất chính do bị cáo H chia cho. Do vậy, vai trò của bị cáo D và H trong vụ án cơ bản là tương đương với nhau.

*[4]. Xét các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng:*

- Về nhân thân: Các bị cáo đều sinh ra và lớn lên tại Phường G S, thành phố T N ; Do không chịu lao động, tu dưỡng nên đã mắc nghiện ma túy, không có nghề

nghiệp gì; bản thân các bị cáo đều nhiều lần bị kết án hoặc xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi liên quan đến việc sử dụng trái phép chất ma túy hoặc hành vi chiếm đoạt, nhưng vẫn không có ý thức cải tạo tu dưỡng mà tiếp tục lao vào vòng tội lỗi – Các bị cáo là người có nhân thân xấu.

- Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Việt D có bố đẻ là người được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, nên bị cáo D còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác đó là: “*Bị cáo có thân nhân là người có công với cách mạng*” quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Quang H và Nguyễn Việt D phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Cao C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5]. Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các yếu tố về nhân thân, HĐXX thấy rằng cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Mức án mà đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo D và C là phù hợp, tuy nhiên đối với bị cáo H, tài sản do các bị cáo phạm tội có giá trị không lớn, do vậy khi lượng hình cũng cần xem xét giảm cho bị cáo H một phần so với mức đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì:

“5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

Tuy nhiên xét thấy các bị cáo đều là những đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, công việc ổn định, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự*: Các tài sản do các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu, bị hại Anh Lê Khắc D đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thêm; Bà Nguyễn Thị K đã bỏ tiền ra mua các tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, sau đó tự nguyện giao nộp tài sản này cho cơ quan điều tra, nay bà K cũng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì, HĐXX nhận thấy rằng việc bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần ghi nhận việc Bị hại anh Lê Khắc D và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị K không yêu cầu các bị cáo Lê Quang H, Nguyễn Việt D và Trần Cao C phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

[7]. *Về xử lý các đối tượng có liên quan*:

Liên quan đến vụ án này còn có chị Nguyễn Thị D là người đã đứng ra mua hộ bà K các tài sản do các bị cáo phạm tội mà có; Ông Lê Văn H là người đã cho bị cáo Lê

Quang H mượn chiếc xe mô tô BKS: 20B1-745x, sau đó Lê Quang H sử dụng vào việc phạm tội. Tuy nhiên, khi mua các tài sản này chị D không biết đó là các tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, ông H không biết việc H sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên đã không xử lý đối với Nguyễn Thị D và Lê Văn H là phù hợp.

**[8]. Về vật chứng vụ án:**

- Đối với một số tài sản là 04 tấm hàng rào sắt (sau này cắt thành 06 tấm) và 01 chiếc xe mô tô BKS: 20B1-745x mà cơ quan điều tra đã thu hồi được, sau khi xác minh làm rõ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng là phù hợp.

- Đối với vật chứng là số tiền 305.000 đồng (*Ba trăm linh năm nghìn đồng*) do bị cáo Lê Quang H giao nộp, hiện đã chuyển vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên – Xác định là khoản tiền thu lời bất chính, nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền các bị cáo hưởng lợi do bán tài sản trộm cắp mà có, trong đó: Bị cáo Lê Quang H được hưởng lợi số tiền là 930.000đ (đã nộp lại số tiền 305.000đ, còn lại là 625.000đ); bị cáo Nguyễn Việt D được hưởng lợi số tiền là 820.000đ; bị cáo Trần Cao C được hưởng lợi số tiền là 350.000đ – Xác định là khoản tiền thu lời bất chính, nên cần buộc các bị cáo nộp truy thu, nộp ngân sách nhà nước.

**[9]. Về chi phí tố tụng:** Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[10]. Quyền kháng cáo:** Các bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về căn cứ áp dụng pháp luật:**

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (đối với Lê Quang H ).

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (đối với Nguyễn Việt D).

- Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (đối với Trần Cao C ).

### **2. Về tội danh và quyết định hình phạt:**

**2.1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Lê Quang H , Nguyễn Việt D và Trần Cao C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

#### **2.2. Về hình phạt:**

- Xử phạt bị cáo Lê Quang H 22 (*Hai mươi hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày

24/8/2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt D 20 (*Hai mươi*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2021.

- Xử phạt bị cáo Trần Cao C 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2021.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Lê Quang H , Nguyễn Việt D và Trần Cao C 45 ngày để đảm bảo công tác thi hành án.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 46, Điều 48 của bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Ghi nhận việc Bị hại anh Lê Khắc D và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị K không yêu cầu các bị cáo Lê Quang H , Nguyễn Việt D và Trần Cao C phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

**4. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 305.000 đồng (*Ba trăm linh năm nghìn đồng*) (*Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Thái Nguyên với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, ngày 15/12/2021, cHển khoản theo phiếu uỷ nhiệm chi số 160 ngày 29/11/2021*).

- Buộc các bị cáo: Lê Quang H phải nộp truy thu số tiền là 625.000đ; bị cáo Nguyễn Việt D phải nộp truy thu số tiền là 820.000đ; bị cáo Trần Cao C phải nộp truy thu số tiền là 350.000đ – Tiền thu lời bất chính, nộp ngân sách nhà nước.

**5. Án phí:** Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lê Quang H , Nguyễn Việt D và Trần Cao C , mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

**6. Quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- Công an thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Bị cáo; Đương sự;
- Trại tạm giam CAT Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(*Đã ký*)

**Trần Văn Cần**